

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TAM KỲ  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 265A/2024/DS-ST

Ngày: 19-9-2024

V/v: “*Tranh chấp*

*hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Ân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Lê Minh Hải;

+ Ông Phạm Bá Sang

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 107/2024/TLST- DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Thi Hoàng E, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 161 Nguyễn Văn Linh, khối phố 2, thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm: 1995; địa chỉ: 161/18/2 Trưng Nữ V, phường A, hành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

- *Bị đơn:*

+ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1971. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr, sinh năm 1996. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khối phố Ph, phường A, thành phố T, Kỳ, tỉnh Q.

+ Bà Huỳnh Ngọc Ph, sinh năm 1991; địa chỉ: Khối phố 5, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thi Hoàng E trình bày:

Ngày 23/10/2018, tôi có cho vợ chồng ông Huỳnh Ngọc D và bà Huỳnh Thị B vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay là 32 ngày, với lãi suất là 2%/32 ngày, mục đích vay là để kinh doanh, tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay là “Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số CK 472374, thửa đất số 557, tờ bản đồ số 48, diện tích 1.475,3m<sup>2</sup> tại phường An Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông D, bà B vẫn không trả, tôi đã nhiều lần liên lạc nhưng gia đình bà B trốn tránh và cắt liên lạc với tôi. Sau đó, tôi đã dùng hợp đồng uỷ quyền của ông D, bà B đã ký trước đó để đại diện chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Lê Viết Long và bà Thi Thị Trang (là chị ruột của tôi) để nhờ đứng tên. Sau đó, ông D, bà B bị bà Lê Thị Thuỷ khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (ông D chết tháng 9/2020). Theo đơn khởi kiện của bà Thuỷ, vào năm 2008, vợ chồng ông D, bà B có chuyển nhượng cho bà Thuỷ 371,3m<sup>2</sup> nhưng không làm thủ tục tách thửa. Tại bản án phúc thẩm số 89/2024/DS-PT ngày 02/4/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D, bà B (tôi là người đại diện theo uỷ quyền) với ông Lê Viết L và bà Thi Thị Tr. Nay, tôi đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị B và các đồng thừa kế của ông D là Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr và bà Huỳnh Ngọc Ph phải trả cho tôi số tiền gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Trong đơn khởi kiện, tôi yêu cầu phía bị đơn phải trả cho tôi số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/10/2018 đến nay bao gồm tiền lãi trong hạn (10%/năm từ ngày 23/10/2018 đến ngày 23/11/218) và lãi suất quá hạn (15%/năm từ ngày 24/11/2018 đến nay). Tuy nhiên, hiện nay tôi chỉ yêu cầu phía bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 23/10/2018 đến tính đến ngày 19/9/2024 với lãi suất là 10%/năm tương ứng với số tiền lãi 354.000.000đ (Ba trăm năm mươi tư triệu đồng) tổng cộng là 954.000.000đ (Chín trăm năm mươi tư triệu đồng).

- Bị đơn bà Huỳnh Thị B trình bày: Tôi thừa nhận vào năm 2018, vợ chồng tôi có mượn của ông Thi Hoàng E số tiền là 600.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình nhưng không thoả thuận về mức lãi suất và thời hạn trả. Vợ chồng tôi có đưa bìa đỏ cho ông Thi Hoàng E. Đến ngày 07/3/2020, tôi có trả cho ông E số tiền 50.000.000 đồng. Đến giữa năm 2020, tôi có liên hệ với ông E để trả số tiền trên để lấy lại bìa đỏ. Tuy nhiên, tại thời điểm đó, ông E yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền 1.400.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 800.000.000 đồng, do số tiền ông E yêu cầu quá cao nên vợ chồng tôi không chấp nhận. Lúc đó, tôi chỉ thống nhất trả tổng cộng số tiền gốc và lãi là 800.000.000 đồng nhưng ông E không đồng ý. Sau đó, chồng tôi lâm bệnh nặng và qua đời. Đến tháng 01/2021, tôi mới phát hiện bìa đỏ của gia đình tôi đã bị ông E chuyển qua cho bà Trang và ông Long đứng tên nhưng không thông qua ý kiến của vợ chồng tôi. Tôi đã gửi đơn đến nhiều nơi nhưng ông E vẫn không ra mặt và chặn tất cả liên lạc của gia đình tôi. Nay, với yêu cầu khởi kiện của ông Thi Hoàng E, tôi

chỉ thống nhất trả cho ông E số tiền gốc là 600.000.000 đồng. Đối với yêu cầu trả lãi, tôi không đồng ý với lý do ông E đã tự ý chuyển nhượng sang tên bì đồ của gia đình tôi, gây thiệt hại cho gia đình chúng tôi, vụ việc kéo dài đến thời điểm hiện nay là do lỗi của ông E.

*Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr và bà Huỳnh Ngọc Ph trình bày:* Tôi thống nhất với phần trình bày của mẹ tôi bà Huỳnh Thị B. Tôi thừa nhận ba mẹ tôi còn nợ ông Thi Hoàng E số tiền 600.000.000 đồng. Đối với số tiền 50.000.000 đồng tôi đã trả cho ông E tại Văn phòng công chứng nhưng do lúc đó không có giấy tờ nên hiện nay không có chứng cứ để giao nộp cho Tòa án nên chúng tôi chấp nhận mất số tiền trên. Hiện nay, ba tôi đã mất nên chị em tôi sẽ có trách nhiệm cùng với mẹ trả số tiền trên cho ông E. Tuy nhiên, chúng tôi không thống nhất với yêu cầu trả lãi của ông E, vì sự việc kéo dài đến hôm nay là do lỗi của ông E. Chúng tôi chỉ thống nhất trả cho ông E số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng.

\* Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà là đúng pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr và bà Huỳnh Ngọc Ph phải trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của ông Thi Hoàng E.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Ông Thi Hoàng E khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr, bà Huỳnh Ngọc Ph phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà, ông Thi Hoàng E yêu cầu bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Ph và bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr phải trả số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 19/9/2024 là 354.000.000 đồng, tổng cộng là 954.000.000 đồng. Ông Thi Hoàng E cung cấp chứng cứ là 02 Hợp mượn tiền lập ngày 23/10/2018 có chữ ký của bà Huỳnh Thị B và ông Huỳnh Ngọc D. Bà B thừa nhận chữ ký trong Hợp đồng mượn tiền nêu trên và thống nhất với số tiền mà vợ chồng bà đã vay của ông E là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà B không thống nhất với yêu cầu trả lãi của

ông Thi Hoàng E với lý do ông E đã tự ý chuyển nhượng sang tên bì đồ của gia đình bà, vụ việc kéo dài đến thời điểm hiện nay là do lỗi của ông E. Do vậy, bà B, bà Ph và bà Tr chỉ thống nhất trả cho ông E số tiền gốc là 6000.000.000 đồng.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

[2.1]. Vào ngày 23/10/2018, bà Huỳnh Thị B và ông Huỳnh Ngọc D có ký 02 Hợp đồng mượn tiền với ông Thi Hoàng E, thời hạn vay là từ ngày 23/10/2023 đến ngày 23/11/2018, không thể hiện rõ mức lãi suất, chỉ thể hiện “*lãi suất do hai bên tự thoả thuận và tự chịu trách nhiệm*”. Ông D, bà B đã giao Giấy CNQSD đất số CK 472347 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/9/2017 đứng tên ông D, bà B cho ông E để làm tài sản bảo đảm. Tuy nhiên, đến ngày 18/10/2019, ông Thi Hoàng E đã dùng hợp đồng ủy quyền do ông D, bà B ký trước đó để đại diện chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Lê Viết L và bà Thi Thị Tr (*là vợ chồng chị ruột của ông E*) đứng tên. Sau khi phát hiện sự việc, bà B đã làm đơn tố cáo ông E đến các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, sự việc đã được cơ quan điều tra kết luận ông E không có dấu hiệu phạm tội. Đến tháng 11/2020, bà Thủy khởi kiện yêu cầu bà B phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thi Hoàng E và ông Lê Viết L, bà Thi Thị Tr vô hiệu.

Theo chứng cứ bà B cung cấp, vào ngày 15/01/2021 bà Ph có đề nghị ông E tính tiền lãi nhưng ông E yêu cầu phải trả số tiền lãi là 800.000.000 đồng nên phía bà B không thống nhất trả.

Bà B cho rằng đã trả cho ông E số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà B không xác định là trả tiền gốc hay tiền lãi và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để xác định bà B đã trả cho ông E số tiền nêu trên. Do đó, HĐXX xác định, hiện nay bà B còn nợ ông E số tiền gốc là 600.000.000 đồng như yêu cầu của ông E là có cơ sở, cần chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu trả lãi của ông E thì thấy: Ông E yêu cầu bà B, bà Ph, bà Tr phải trả lãi với số tiền 354.000.000 đồng, với mức lãi suất là 10%/năm. Xét thấy, trong hợp đồng mượn tiền, các bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất, chỉ thể hiện “*lãi suất do hai bên thoả thuận và tự chịu trách nhiệm*”. Do đó, có thể khẳng định, việc hai bên mượn tiền là có thỏa thuận về lãi suất nhưng lãi suất bao nhiêu trong hợp đồng không thể hiện rõ. Mặt khác, theo trình bày của phía bị đơn, vào ngày 15/01/2021 phía bị đơn có đề nghị ông E tính lãi nhưng do ông E yêu cầu trả lãi quá cao (800.000.000 đồng) nên phía bị đơn không chấp nhận. Điều này cho thấy việc mượn số tiền nêu trên là có thỏa thuận lãi suất nhưng hiện nay không xác định được lãi suất do hai bên thoả thuận. Do vậy, việc ông E yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên và với mức lãi 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Bà B cho rằng, việc kéo dài đến thời điểm hiện nay là do lỗi của ông E, ông E

đã tự ký hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất của bà nên đã gây thiệt hại cho bà. Tuy nhiên, vấn đề này bà B không yêu cầu giải quyết trong vụ án dân sự giữa bà Thuỷ và bà B liên quan đến việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vô hiệu. Do đó, nội dung này không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà B có vay tiền của ông E và đến thời điểm hiện nay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay, ông D đã mất. Tài sản thừa kế do ông D để lại là quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy CNQSD đất số CK 472347 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/9/2017 đứng tên ông D, bà B chưa được chia thừa kế, giá trị di sản thừa kế do ông D để lại lớn hơn so với nghĩa vụ mà ông D phải thực hiện đối với ông Thi Hoàng E. Do đó, cần buộc bà B và những người thừa kế của ông D là bà B, bà Ph và bà Tr phải có trách nhiệm dùng di sản thừa kế của ông D để lại trả toàn bộ khoản nợ trên cho ông E. Do vậy, căn cứ Điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, 614 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thi Hoàng E về việc buộc bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Ph và bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr phải có nghĩa vụ dùng di sản thừa kế của ông D trả cho ông Thi Hoàng E số tiền 954.000.000đ (*Chín trăm năm mươi tư triệu đồng*).

[2.3]. Tại phiên toà, ông Thi Hoàng E đã tự nguyện rút yêu cầu tính lãi chậm trả kê từ ngày ông D, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ (*từ ngày 24/11/2018 đến nay*) với lãi suất 15%/năm. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông E là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu nêu trên.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Thi Hoàng E được chấp nhận toàn bộ nên bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Ph và bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thi Hoàng E đối với bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr và bà Huỳnh Ngọc Ph.

Buộc bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr và bà Huỳnh Ngọc Ph phải trả cho ông Thi Hoàng E số tiền là 954.000.000đ (*Chín trăm năm mươi tư triệu đồng*). Trong đó: nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 354.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Thi Hoàng E về việc tính lãi chậm trả kể từ ngày ông D, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ (*từ ngày 24/11/2018 đến nay*) với lãi suất 15%/năm. Ông Thi Hoàng E có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

[2] *Về án phí:*

Án phí dân sự sơ thẩm là 40.620.000đ (*Bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Ngọc Diệu Tr và bà Huỳnh Ngọc Ph phải chịu. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí ông Thi Hoàng E đã nộp là 22.485.000đ (*Hai mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001350 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

[3] *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Tp. Tam Kỳ;
- Chi cục THADS Tp. Tam Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Bích Ân**